

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHOA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VÀ KINH TẾ SỐ



TIỂU LUẬN

HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đề tài: Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

Giảng viên hướng dẫn : **Vũ Đức Năng**

Sinh viên/Nhóm thực hiện:(1) **Nhóm Số 04**

Lớp : **KT17-01**

Hà Nội, năm 2024

MỤC LỤC

Phần 1: Mở đầu	1
1. Giới thiệu.....	1
2. Lý do tiến hành nghiên cứu.....	1
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	2
4. Nhiệm vụ nghiên cứu	2
5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
7. Kết cấu của nghiên cứu	2
Phần 2: Nội dung.....	3
Chương 1. Cơ sở lý luận về ý định khởi nghiệp của sinh viên	3
1.1. Lý luận chung về ý định khởi nghiệp của sinh viên.....	3
1.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên	5
1.3. Mô hình và bảng hỏi nghiên cứu.....	6
Chương 2. Phân tích thực trạng ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam	11
2.1. Giới thiệu chung về khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam	11
2.2. Thực trạng ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam	14
2.3. Thực trạng các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam.....	14
2.4. Mức độ và chiều hướng tác động của các nhân tố đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam	18
Chương 3. Giải pháp thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam.	24
3.1. Giải pháp về Giáo dục khởi nghiệp.....	24
3.2. Giải pháp về Nguồn vốn.....	24
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	25

NHÓM SINH VIÊN THỰC HIỆN (2)

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	Nhiệm vụ	% đóng góp vào bài
1.	1774030122	Trần Ngọc Mai	KT17-01	Làm google forms, chạy spss, 2.3,2.4, chương 3	100%
2.	1774030150	Đặng Thái Sơn	KT17-01	Chương 1	80%
3.	1774030018	Phùng Thị Ánh	KT17-01	Phần mở đầu	90%
4.	1774030160	Dương Thị Minh Thư	KT17-01	Làm google forms, chạy spss, 2.3,2.4, chương 3	100%
5.	1774030125	Nguyễn Thế Mạnh	KT17-01	Phần 2.1,2.2	90%

NHẬN XÉT

(Của giảng viên hướng dẫn)

.....

.....

.....

.....

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	Điểm	
				Điểm số	Điểm chữ
1.	1774030122	Trần Ngọc Mai	KT17-01		
2.	1774030150	Đặng Thái Sơn	KT17-01		
3.	1774030018	Phùng Thị Ánh	KT17-01		
4.	1774030160	Dương Thị Minh Thư	KT17-01		
5.	1774030125	Nguyễn Thế Mạnh	KT17-01		

Ngày ... tháng ... năm 20...

CÁN BỘ CHẤM THI 1

(Ký ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ CHẤM THI 2

(Ký ghi rõ họ tên)

Phần 1: Mở đầu

1. Giới thiệu

Thời gian qua, khởi nghiệp được xem là một trong những hoạt động có tầm ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển của đất nước và là một giải pháp hữu hiệu cho tình trạng thất nghiệp ngày càng gia tăng. Khởi nghiệp đang trở thành một xu hướng mạnh mẽ trên toàn cầu, thu hút sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư và những người có khát vọng thành công. Hiện nay, có rất nhiều chính sách khuyến khích khởi nghiệp đối với thanh niên đã được chính phủ ban hành. Điển hình như năm 2017, đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” đã được chính phủ ban hành với mục tiêu thúc đẩy khởi nghiệp và trang bị kiến thức kỹ năng cần thiết cho học sinh, sinh viên ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường để góp phần tạo việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp. Có thể nói, sinh viên với sự trẻ trung, năng động với những nguồn ý tưởng khởi nghiệp đa dạng sẽ là những nhà khởi nghiệp tiềm năng sau này.

Xét riêng trường Đại Học Đại Nam, bên cạnh sứ mệnh đào tạo ra các nguồn nhân lực trình độ cao và mang đến cơ hội nghề nghiệp hiếm có để thăng tiến. Nhà trường cũng chú trọng đến việc truyền cảm hứng khởi nghiệp cho học sinh. Nhà trường đã dành sự quan tâm rất lớn đến khởi nghiệp của sinh viên điển hình như trường đã tổ chức cuộc thi “khởi nghiệp xã hội Social innovation launch 2023”, góp phần mang lại sự thay đổi tư duy và nhận thức của đội ngũ lãnh đạo trẻ trong tương lai.

Tuy nhiên trong thực tế, các ý tưởng kinh doanh của sinh viên chỉ dừng lại ở mức ý tưởng. Hầu hết mọi người chưa đủ can đảm để thực hiện khởi nghiệp sau khi ra trường, kể cả sinh viên thuộc nhóm ngành kinh tế. Do đó, việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trong khối ngành kinh tế là rất cần thiết để đưa ra các giải pháp hỗ trợ phù hợp, từ đó khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tham gia hoạt động khởi nghiệp một cách hiệu quả và bền vững.

2. Lý do tiến hành nghiên cứu

Khởi nghiệp không chỉ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho mọi người mà còn đem lại những đổi mới sang tạo và ứng

dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Sinh viên nhóm ngành kinh tế, với sự trang bị vững vàng kỹ năng và kiến thức chuyên môn về kinh doanh, quản lý cùng với công nghệ mới, cùng với tinh thần sáng tạo dám nghĩ dám làm được xem là đối tượng tiềm năng của khởi nghiệp. Tuy nhiên, ý định này vẫn còn nhiều hạn chế như thiếu kinh nghiệm thực tế, khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn, thiếu hụt các kỹ năng mềm cần thiết và thiếu môi trường hỗ trợ khởi nghiệp hiệu quả.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại Học Đại Nam.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

Giúp sinh viên khám phá kiến thức mới, tự mình nhận diện các vấn đề và thách thức từ đó đưa ra các giải pháp để hỗ trợ sinh viên trong việc khởi nghiệp.

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: sinh viên ngành kinh tế trường Đại Học Đại Nam

Phạm vi nghiên cứu:

Không gian: trường Đại Học Đại Nam

Thời gian: 22/6/2024-10/07/2024

Cơ mẫu: 166 người khảo sát

6. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập dữ liệu: nhóm đã tiến hành khảo sát 165 đối tượng dựa vào công cụ google form để thu thập dữ liệu

Phương pháp phân tích dữ liệu : nhóm đã sử dụng phương pháp thống kê mô tả , kiểm định Cronbach Alpha , phân tích nhân tố khám phá EFA và phương pháp hồi quy để đưa ra kết quả cuối cùng.

7. Kết cấu của nghiên cứu

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục..., bài nghiên cứu gồm 3 chương như sau:

Chương 1. Cơ sở lý luận về ý định khởi nghiệp của sinh viên

Chương 2. Phân tích thực trạng ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

Chương 3. Giải pháp thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

Phần 2: Nội dung

Chương 1. Cơ sở lý luận về ý định khởi nghiệp của sinh viên

1.1. Lý luận chung về ý định khởi nghiệp của sinh viên

1.1.1. Ý định khởi nghiệp

Theo tác giả Bird viết năm 1988 ý định khởi nghiệp là một thái độ làm việc đề cao tính độc lập, tự chủ, sáng tạo, luôn đổi mới và chấp nhận rủi ro để tạo ra giá trị mới trong doanh nghiệp hiện tại.

Theo tác giả Shapero viết năm 1982 khởi nghiệp là một quá trình bắt đầu từ việc nhận biết cơ hội, từ đó phát triển các ý tưởng, nhằm tạo dựng một doanh nghiệp mới .

Theo tác giả Ajzen viết năm 1991 có thái độ tích cực và được sự ủng hộ của những người xung quanh, cũng như có khả năng kiểm soát hoạt động ý định khởi nghiệp.

Các khái niệm trên đều đã làm rõ về ý định khởi nghiệp, nhóm tác giả cũng đồng quan điểm trong bài nghiên cứu này nhóm tác giả sẽ sử dụng khái niệm ý định khởi nghiệp của tác giả Bird viết năm 1988.

1.1.2. Ý định khởi nghiệp của sinh viên

Hiện nay, các ý tưởng khởi nghiệp của sinh viên đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội. Khởi nghiệp không chỉ là đổi mới hay một công việc, giờ đây đã trở thành nền tảng để những sinh viên có cơ hội để vươn mình tự do sáng tạo và thực hiện ước mơ cá nhân.

Nhưng không vì thế mà khởi nghiệp trở nên bão hoà vì ý định khởi nghiệp của sinh viên không chỉ là một quyết định cá nhân mà còn có ảnh hưởng lớn đến các khía cạnh sau:

Việc khởi nghiệp giúp sinh viên học hỏi và trải nghiệm các kỹ năng quản lý, lãnh đạo và sáng tạo thực tiễn, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh sau này trên thị trường lao động.

Góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội: Những sinh viên đứng lên khởi nghiệp có thể tạo ra cơ hội việc làm cho mọi người, đồng thời đóng góp vào nền kinh tế địa phương và quốc gia, đồng thời thúc đẩy sự phát triển bền vững.

Khả năng sáng tạo và đổi mới: Sinh viên thường mang đến những ý tưởng mới mẻ và sáng tạo, từ đó đưa ra các sản phẩm, dịch vụ hoặc giải pháp kinh doanh mới phù hợp với nhu cầu thị trường hiện tại.

Thái độ của sinh viên đối với khởi nghiệp là yếu tố then chốt quyết định đến ý định khởi nghiệp của họ. Nếu sinh viên có quan điểm tích cực về khởi nghiệp, họ sẽ dễ dàng hình thành ý định và dấn thân vào con đường này.

Sự ảnh hưởng từ gia đình, bạn bè và xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên. Những người xung quanh đồng tình với ý kiến của sinh viên, được những sự tích cực lây toả sẽ khiến sinh viên mạnh dạn hoàn thành ý tưởng của bản thân.

Khả năng tự tin và kiểm soát hành vi của bản thân là yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp đạt được thành công. Sinh viên cần tự mình vượt qua được những thử thách mới có thể đi tới đích đến.

Ý định khởi nghiệp của sinh viên không chỉ là một quyết định cá nhân mà còn có tầm quan trọng lớn đối với sự phát triển kinh tế và xã hội. Hiểu rõ về các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp sẽ giúp chính phủ, các tổ chức và trường học phát triển các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp hiệu quả, từ đó khuyến khích sinh viên phát huy tiềm năng sáng tạo và đóng góp tích cực vào cộng đồng.

1.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên

1.2.1 Nghiên cứu của tác giả Nguyễn Văn Định và cộng sự

Nghiên cứu này nhằm phân tích "Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Nam Cần Thơ". Phương pháp nghiên cứu bao gồm phân định tính để xác định mô hình nghiên cứu và phân định lượng để đo lường tác động của các yếu tố lên ý định khởi nghiệp. Dữ liệu được thu thập thông qua khảo sát trực tiếp với 310 sinh viên năm ba và năm tư từ Khoa Kinh tế và Khoa Kiến trúc - Xây dựng và môi trường.

Dựa vào kết quả của nghiên cứu, dựa trên mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM), cho thấy có 5 yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên theo thứ tự lần lượt là: (1) đặc điểm tính cách, (2) thái độ đối với hành vi khởi nghiệp, (3) môi trường giáo dục, (4) nhận thức kiểm soát hành vi và (5) nguồn vốn. Nghiên cứu cũng cho thấy rằng chuẩn chủ quan không có tác động đáng kể đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

Dựa trên những kết quả này, nhóm tác giả đề xuất các biện pháp quản trị nhằm thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Nam Cần Thơ trong tương lai.

1.2.2 Nghiên cứu của tác giả Ngô Thị Mỹ Châu

Luận văn “Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên CNTT Thành phố Hồ Chí Minh”. Trên cơ sở lý luận về ý định khởi nghiệp và kết hợp với nghiên cứu định tính, tác giả đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên CNTT tại Thành phố Hồ Chí Minh và xác định 06 biến độc lập: (1) Hỗ trợ khởi nghiệp, (2) Nhận thức về tính khả thi, (3) Môi trường giáo dục khởi nghiệp, (4) Đặc điểm tính cách, (5) Khả năng tiếp cận các nguồn tài chính lớn, (6) Thái độ đối với hành vi khởi nghiệp, biến phụ thuộc là ý định khởi nghiệp. Tác giả đã sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, hồi quy tuyến tính bội, phương pháp phân tích ANOVA để thực hiện nghiên cứu này. Nghiên cứu này thực hiện trên mẫu 424 sinh viên CNTT năm cuối tại một trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả phân tích hồi quy bội cho thấy 6 biến độc lập có tác động đến biến phụ thuộc “ý định khởi nghiệp”. Kết quả từ nghiên cứu sẽ được sử dụng để suy

luận những cân nhắc kinh doanh nhất định giúp thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên CNTT tại Thành phố Hồ Chí Minh, dựa trên sáu yếu tố tác động đã đề cập trước đó.

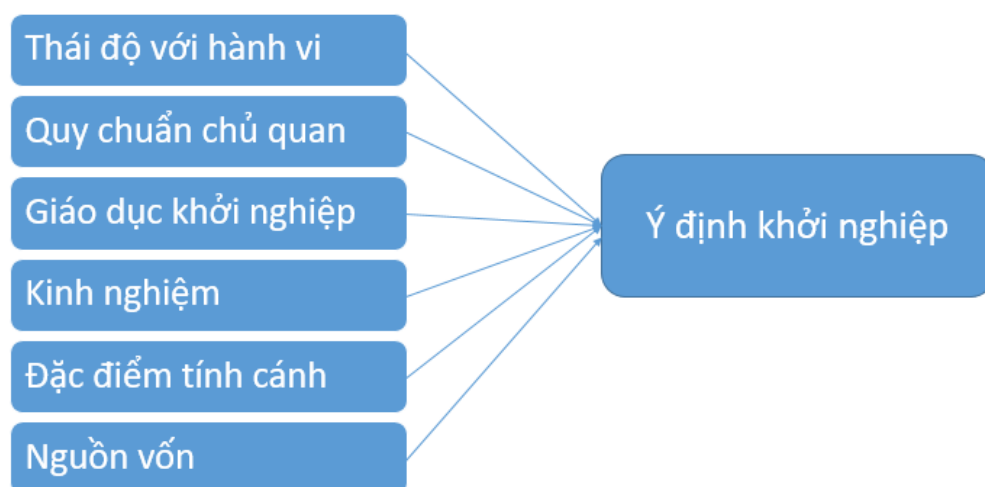
1.2.3: Bài nghiên cứu của tác giả Huỳnh Nhựt Nghĩa, Nguyễn Thị Hải Bình, Nguyễn Thị Minh Trâm, Nguyễn Kiều Oanh, Mai Thoại Diễm Phương (Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing, số 62 – Tháng 4 Năm 2021)

Mục tiêu của bài viết là trình bày kết quả nghiên cứu ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Tài chính – Marketing (UFM). Thông qua khảo sát 1071 sinh viên tại UFM, bằng phương pháp nghiên cứu định lượng với công cụ phân tích và xử lý dữ liệu SPSS 23.0. Kết quả cho thấy có 6 nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên theo mức tác động từ cao đến thấp là “Hỗ trợ từ gia đình và bạn bè”, “Năng lực của sinh viên”, “Hệ sinh thái khởi nghiệp”, “Động lực”, “Nhận thức” và nhân tố ảnh hưởng thấp nhất là “Thái độ” đến ý định khởi nghiệp của sinh viên UFM. Từ kết quả nghiên cứu trên sẽ được sử dụng để suy luận những cân nhắc thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Tài chính – Marketing (UFM).

1.3. Mô hình và bảng hỏi nghiên cứu

1.3.1. Mô hình nghiên cứu

Từ các nghiên cứu trên cho thấy, có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên bao gồm: các yếu tố thuộc về bản thân sinh viên như: nhận thức, thái độ, tính cách, động lực và năng lực của sinh viên và các yếu tố bên ngoài như: môi trường giáo dục, gia đình, bạn bè và hệ sinh thái khởi nghiệp. Từ đó nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như sau:



1.3.2. Bảng hỏi nghiên cứu

1	2	3	4	5		
Rất không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Rất đồng ý		
THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI HÀNH VI		Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ				
TD1	Việc trở thành chủ doanh nghiệp đối với anh/chị có lợi hơn bất lợi	1	2	3	4	5
TD2	Chủ doanh nghiệp là một nghề rất hấp dẫn đối với anh/chị	1	2	3	4	5
TD3	Anh/chị sẽ rất hài lòng khi làm chủ doanh nghiệp	1	2	3	4	5
TD4	Trong số các lựa chọn công việc khác nhau, anh/chị thích kinh doanh	1	2	3	4	5
QUY CHUẨN CHỦ QUAN		Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ				

QC1	Gia đình luôn ủng hộ công việc của anh/chị	1	2	3	4	5
QC2	Bạn bè luôn ủng hộ công việc của anh/chị	1	2	3	4	5
QC3	Những người quan trọng khác đối với anh/chị luôn ủng hộ công việc của anh/chị	1	2	3	4	5
QC4	Anh/chị biết nhiều doanh nhân thành công	1	2	3	4	5
QC5	Anh/chị rất ngưỡng mộ những doanh nhân thành công	1	2	3	4	5
GIÁO DỤC KHỞI NGHIỆP		Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ				
GD1	Tại trường đại học, anh/chị được cung cấp những kiến thức cần thiết về kinh doanh	1	2	3	4	5
GD2	Tại trường đại học, anh/chị được cung cấp những kỹ năng cần thiết về kinh doanh	1	2	3	4	5
GD3	Tại trường đại học, anh/chị được khuyến khích tham gia cuộc thi “Sinh viên khởi nghiệp”	1	2	3	4	5
GD4	Anh/chị thường tự học để có kiến thức kinh doanh	1	2	3	4	5
KINH NGHIỆM		Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ				
KN1	Anh/chị đã từng làm công việc liên quan đến kinh doanh	1	2	3	4	5

KN2	Anh/chị đã từng tham gia công tác quản lý (cán bộ lớp, cán bộ Đoàn,...)	1	2	3	4	5
KN3	Anh/chị đã từng là thành viên của câu lạc bộ kinh doanh trong hoặc ngoài nhà trường	1	2	3	4	5
KN4	Anh/chị đã từng tham gia các buổi hội thảo về kinh doanh	1	2	3	4	5
ĐẶC ĐIỂM TÍNH CÁCH		Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ				
TC1	Anh/chị là người dám đối mặt với trở ngại	1	2	3	4	5
TC2	Anh/chị là người rất giỏi trong việc xác định các cơ hội	1	2	3	4	5
TC3	Anh/chị là người thích tự lập	1	2	3	4	5
NGUỒN VỐN		Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ				
NV1	Anh/chị có thể vay, mượn tiền từ gia đình và bạn bè	1	2	3	4	5
NV 2	Anh/chị có thể vay tiền từ các tổ chức tài chính (như ngân hàng, quỹ tín dụng)	1	2	3	4	5
NV 3	Anh/chị có thể tích lũy vốn từ việc làm thêm hoặc tiết kiệm	1	2	3	4	5

NV 4	Địa phương anh/chị có các chính sách hỗ trợ vốn cho thanh niên	1	2	3	4	5
Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP		Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ				
YD1	Mục tiêu nghề nghiệp của anh/chị là khởi sự kinh doanh	1	2	3	4	5
YD2	Anh/chị có mong muốn mạnh mẽ để khởi sự kinh doanh trong tương lai	1	2	3	4	5
YD3	Nếu có cơ hội, anh/chị sẽ khởi sự kinh doanh	1	2	3	4	5

Câu hỏi thông tin cá nhân:

Câu 1: Giới tính của bạn là

1. Nam
2. Nữ

Câu 2: Bạn đang là sinh viên năm thứ mấy:

1. Năm nhất
2. Năm hai
3. Năm ba
4. Năm tư
5. Trên năm thứ 4

Câu 3: Bạn đang học ngành:

1. Thương mại điện tử và kinh tế số
2. Quản trị kinh doanh – marketing

- 3.
4. Logistics
5. Kế toán
6. Tài chính ngân hàng

Chương 2. Phân tích thực trạng ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam .

2.1. Giới thiệu chung về khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

2.1.1. Khái quát chung về nhà trường và khối ngành kinh tế

Trường Đại học Đại Nam được thành lập vào năm 2007, là một trong những trường đã tạo dựng được vị trí vững chắc trong hệ thống giáo dục nước nhà .Trường Đại học Đại Nam cam kết mang đến chất lượng giáo dục cao, tập trung vào việc trang bị cho sinh viên những kỹ năng và kiến thức cần thiết để thành công trong môi trường làm việc cạnh tranh ngày nay.Trường có cơ sở vật chất hiện đại, đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm và chương trình đào tạo được thiết kế linh hoạt, cập nhật theo xu hướng mới nhất.

Khối ngành kinh tế tại Trường Đại học Đại Nam bao gồm nhiều chuyên ngành đa dạng như:

Quản trị kinh doanh: Sinh viên được học về cách quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh, từ việc lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo đến kiểm soát.

Tài chính - Ngân hàng: Chuyên ngành này cung cấp kiến thức về tài chính, ngân hàng, thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác.

Kinh tế quốc tế: Sinh viên học về kinh tế toàn cầu, thương mại quốc tế và các chính sách kinh tế quốc tế.

Kế toán: Chuyên ngành này tập trung vào các kiến thức về kế toán tài chính, kế toán quản trị và kiểm toán.

Các chương trình đào tạo của khối ngành kinh tế không chỉ dựa trên lý thuyết mà còn bao gồm các buổi thực hành, dự án thực tế và các chương trình hợp tác với doanh nghiệp. Điều này giúp sinh viên có cái nhìn toàn diện và sâu sắc về lĩnh vực mình theo học, cũng như phát triển các kỹ năng cần thiết để áp dụng kiến thức vào công việc thực tế sau khi ra trường.

2.1.2. Giới thiệu về sinh viên khối ngành kinh tế

Sinh viên khối ngành kinh tế tại Trường Đại học Đại Nam được đánh giá cao về tinh thần học tập chủ động, sáng tạo và luôn nỗ lực nâng cao kiến thức. Họ được tiếp cận với một môi trường học tập năng động và hiện đại, nơi có đầy đủ các trang thiết bị học tập tiên tiến và tài liệu tham khảo phong phú.

Các sinh viên khối ngành kinh tế không chỉ được học tập dưới sự hướng dẫn của đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm, mà còn được tham gia vào các hoạt động thực tiễn thông qua các chương trình thực tập, dự án nhóm và các cuộc thi học thuật. Những hoạt động này giúp họ rèn luyện kỹ năng mềm, như kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề.

Ngoài giờ học, sinh viên còn được khuyến khích tham gia vào các câu lạc bộ, hội thảo chuyên ngành và các sự kiện do nhà trường tổ chức. Các hoạt động này không chỉ giúp sinh viên mở rộng mối quan hệ, học hỏi kinh nghiệm từ thực tế và từ các chuyên gia trong ngành, mà còn góp phần quan trọng vào việc hình thành tư duy kinh doanh và ý định khởi nghiệp của họ.

Trường Đại học Đại Nam cũng thường xuyên tổ chức các buổi gặp gỡ, giao lưu với các doanh nhân thành đạt, các nhà quản lý doanh nghiệp, nhằm truyền cảm hứng và khích lệ tinh thần khởi nghiệp trong sinh viên. Nhà trường cũng có các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp, cung cấp các khóa đào tạo chuyên sâu về khởi nghiệp, tư vấn, và hỗ trợ vốn cho những ý tưởng kinh doanh tiềm năng.

Nhờ những nỗ lực này, sinh viên khối ngành kinh tế tại Trường Đại học Đại Nam không chỉ được trang bị kiến thức nền tảng vững chắc mà còn có đủ kỹ năng và kinh nghiệm để tự tin bước vào thị trường lao động, cũng như hiện thực hóa các ý tưởng khởi nghiệp của mình.

2.1.3. Giới thiệu về cỡ mẫu khảo sát

Dựa vào kết quả phân tích thống kê mẫu khảo sát ta có:

Bảng 2.1. Bảng thống kê mẫu khảo sát

TT	Nội dung	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
1	Giới tính	Nam	71	42.8

		Nữ	95	57.2
		Tổng	166	100.0
2	Niên khoá	Năm 1	81	48.8
		Năm 2	36	21.7
		Năm 3	14	8.4
		Năm 4	14	8.4
		Trên năm thứ 4	21	12.7
		Tổng	166	100.0
3	Ngành học	Thương mại điện tử và kinh tế số	16	9.6
		Quản trị kinh doanh – marketing	55	33.1
		Logistics	21	12.7
		Kế toán	48	28.9
		Tài chính ngân hàng	26	15.7
		Tổng	166	100.0

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)

Từ bảng số liệu cho thấy số mẫu mang giới tính nam là 71 người tức 42.8%, số mẫu mang giới tính nữ là 95 người tức 57.2%. Trong đó sinh viên năm 1 là 81 người tức 48.8% , sinh viên năm 2 là 36 người tức 21.7%, sinh viên năm 3 là 14 người tức 8.4% , sinh viên năm 4 là 14 người tức 8.4% , sinh viên trên năm 4 là 21 người tức 12.7 % .Và ngành thương mại điện tử và kinh tế số là 16 người tức 9.2%, ngành quản trị kinh doanh – marketing là 55 người tức 33.1%, ngành Logistics là 21

người tức 12.7%, ngành Kế toán là 48 người tức 28.9%, ngành Tài chính ngân hàng là 26 người tức 15.7%. Kết quả cơ cấu mẫu khảo sát như trên là phù hợp để đảm bảo các kết quả nghiên cứu là đáng tin cậy.

2.2. Thực trạng ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

Để đánh giá thực trạng ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế Trường Đại học Đại Nam, chúng tôi sử dụng 3 biến quan sát. Kết quả khảo sát dữ liệu trên nhóm 166 sinh viên cho thấy dữ liệu qua bảng sau:

Bảng 2.2. Bảng thống kê mô tả nhân tố ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

STT	Nội dung	Cỡ mẫu	Giá trị trung bình
1	Mục tiêu nghề nghiệp của anh/chị là khởi sự kinh doanh	166	3.40
2	Anh/chị có mong muốn mạnh mẽ để khởi sự kinh doanh trong tương lai	166	3.36
3	Nếu có cơ hội, anh/chị sẽ khởi sự kinh doanh	166	3.80
4	Trung bình	166	3.52

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu trên SPSS)

Giá trị trung bình của nhân tố ý định khởi nghiệp là 3.52, là làm tròn lên 4, tương đương giá trị đồng ý. Điều này cho thấy ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Đại Nam ở mức đồng ý.

2.3. Thực trạng các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

2.3.1 Thái độ với hành vi

STT	Nội dung	Cỡ mẫu	Giá trị trung bình
1	Việc trở thành chủ doanh nghiệp đối với anh/chị có lợi hơn bất lợi	166	4.01
2	Chủ doanh nghiệp là một nghề rất hấp dẫn đối với anh/chị	166	3.45
3	Anh/chị sẽ rất hài lòng khi làm chủ doanh nghiệp	166	3.42
4	Trong số các lựa chọn công việc khác nhau, anh/chị thích kinh doanh	166	3.95
5	Trung bình	166	3.71

Giá trị trung bình của nhân tố thái độ và hành vi là 3.71, làm tròn lên mức 4, tương đương giá trị đồng ý. Điều này cho thấy thái độ và hành vi của sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Đại Nam ở mức đồng ý .

2.3.2 Quy chuẩn chủ quan.

STT	Nội dung	Cỡ mẫu	Giá trị trung bình
1	Gia đình luôn ủng hộ công việc của anh/chị	166	3.43
2	Bạn bè luôn ủng hộ công việc của anh/chị	166	4.02
3	Những người quan trọng khác đối với anh/chị luôn ủng hộ công việc của anh/chị	166	3.40
4	Anh/chị biết nhiều doanh nhân thành công	166	2.58
5	Anh/chị rất ngưỡng mộ những doanh nhân thành công	166	2.58
6	Trung bình	166	3.20

Giá trị trung bình của nhân tố thái độ và hành vi là 3.20, làm tròn xuống mức 3, tương đương giá trị bình thường . Điều này cho thấy quy chuẩn chủ quan của sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Đại Nam ở mức trung lập .

2.3.3 Giáo dục khởi nghiệp.

STT	Nội dung	Cỡ mẫu	Giá trị trung bình
1	Tại trường đại học, anh/chị được cung cấp những kiến thức cần thiết về kinh doanh	166	4.16
2	Tại trường đại học, anh/chị được cung cấp những kỹ năng cần thiết về kinh doanh	166	4.10
3	Tại trường đại học, anh/chị được khuyến khích tham gia cuộc thi “Sinh viên khởi nghiệp”	166	3.96
4	Anh/chị thường tự học để có kiến thức kinh doanh	166	3.92
5	Trung bình	166	4.03

Giá trị trung bình của nhân tố giáo dục khởi nghiệp là 4.03, làm tròn xuống mức 4, tương đương giá trị đồng ý. Điều này cho thấy giáo dục và khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Đại Nam ở mức đồng ý .

2.3.4 Kinh nghiệm

STT	Nội dung	Cỡ mẫu	Giá trị trung bình
1	Anh/chị đã từng làm công việc liên quan đến kinh doanh	166	3.83
2	Anh/chị đã từng tham gia công tác quản lý (cán bộ lớp, cán bộ Đoàn,...)	166	3.98

3	Anh/chị đã từng là thành viên của câu lạc bộ kinh doanh trong hoặc ngoài nhà trường	166	3.84
4	Anh/chị đã từng tham gia các buổi hội thảo về kinh doanh	166	4.11
5	Trung bình	166	3.94

Giá trị trung bình của nhân tố kinh nghiệm là 3.94, làm tròn lên mức 4, tương đương giá trị đồng ý. Điều này cho thấy kinh nghiệm của sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Đại Nam ở mức đồng ý .

2.3.5 Đặc điểm tính cách

STT	Nội dung	Cỡ mẫu	Giá trị trung bình
1	Anh/chị là người dám đối mặt với trở ngại	166	3.56
2	Anh/chị là người rất giỏi trong việc xác định các cơ hội	166	4.25
3	Anh/chị là người thích tự lập	166	3.82
4	Trung bình	166	3.88

Giá trị trung bình của nhân tố đặc điểm tính cách là 3.88 , làm tròn lên mức 4, tương đương giá trị đồng ý. Điều này cho thấy đặc điểm tính cách của sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Đại Nam ở mức đồng ý

2.3.6 Nguồn vốn

STT	Nội dung	Cỡ mẫu	Giá trị trung bình
1	Anh/chị có thể vay, mượn tiền từ gia đình và bạn bè	166	3.98

2	Anh/chị có thể vay tiền từ các tổ chức tài chính (như ngân hàng, quỹ tín dụng)	166	3.53
3	Anh/chị có thể tích lũy vốn từ việc làm thêm hoặc tiết kiệm	166	3.59
4	Địa phương anh/chị có các chính sách hỗ trợ vốn cho thanh niên	166	3.54
5	Trung bình	166	3.66

Giá trị trung bình của nhân tố nguồn vốn là 3.66, làm tròn lên mức 4, tương đương giá trị đồng ý. Điều này cho thấy nguồn vốn của sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Đại Nam ở mức đồng ý.

Nhóm nhân tố ảnh hưởng thấp nhất đến ý định khởi nghiệp của sinh viên là nhóm “quy chuẩn chủ quan”(trung bình điểm = 3.20). Nhóm nhân tố ảnh hưởng nhiều nhất là nhóm nhân tố “giáo dục khởi nghiệp” (trung bình điểm = 4.03).

2.4. Mức độ và chiều hướng tác động của các nhân tố đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

2.4.1. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Trình bày kết quả kiểm định như sau:

TT	Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai của thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan với biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến
Yếu tố 1:TD ($\alpha=0.744$)					
1	TD1	10.81	4.605	0.563	0.671

2	TD2	11.37	4.755	0.565	0.671
3	TD3	11.40	4.762	0.544	0.682
4	TD4	10.87	5.134	0.480	0.717
Yếu tố 2: QC ($\alpha= 0.760$)					
1	QC1	12.54	7.196	0.581	0.700
2	QC2	12.95	7.421	0.423	0.756
3	QC3	12.57	7.641	0.464	0.739
4	QC4	13.39	6.747	0.598	0.691
5	QC5	13.45	6.697	0.587	0.695
Yếu tố 3:QD ($\alpha= 0.832$)					
1	QD1	11.99	5.563	0.684	0.776
2	QD2	12.05	5.961	0.628	0.801
3	QD3	12.19	5.947	0.667	0.785
4	QD4	12.23	5.705	0.661	0.787
Yếu tố 4:KN ($\alpha=0.491$)					
1	KN1	11.94	3.621	0.330	0.401
2	KN2	11.78	2.631	0.382	0.316
3	KN3	11.92	3.564	0.214	0.480

4	KN4	11.65	3.101	0.249	0.460
Yếu tố 5:TC ($\alpha=0.688$)					
1	TC1	8.07	1.893	0.564	0.454
2	TC2	7.38	2.007	0.426	0.662
3	TC3	7.81	2.496	0.478	0.593
Yếu tố 6:NV ($\alpha= 0.844$)					
1	NV1	10.66	5.849	0.651	0.815
2	NV2	11.11	5.726	0.669	0.807
3	NV3	11.05	5.821	0.683	0.801
4	NV4	11.10	5.583	0.717	0.786
Yếu tố 7:YD ($\alpha=0.739$)					
1	YD1	7.16	3.187	0.576	0.644
2	YD2	7.20	3.130	0.627	0.574
3	YD3	6.75	4.345	0.516	0.717

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu trên SPSS)

Như vậy, ta thấy loại yếu tố số 4 gồm các biến quan sát như : KN1, KN2, KN3, KN4 vì $\alpha = 0.419 < 0,6$ không đạt yêu cầu. Dữ lại yếu tố số 1,2,3,5,6,7 $\alpha > 0.6$; Hệ số tương quan với biến tổng > 0.3 nên đạt yêu cầu.

2.4.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA

KMO and Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.821
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	1241.456
	df	190
	Sig.	.000

Total Variance Explained

Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	5.305	26.526	26.526	5.305	26.526	26.526	2.802	14.012	14.012
2	3.273	16.367	42.893	3.273	16.367	42.893	2.719	13.596	27.608
3	1.561	7.806	50.699	1.561	7.806	50.699	2.572	12.861	40.470
4	1.300	6.500	57.199	1.300	6.500	57.199	2.385	11.927	52.397
5	1.001	5.006	62.205	1.001	5.006	62.205	1.962	9.808	62.205
6	.850	4.248	66.453						
7	.802	4.008	70.461						
8	.707	3.536	73.998						
9	.673	3.366	77.364						
10	.637	3.186	80.549						
11	.595	2.977	83.527						
12	.516	2.581	86.108						
13	.509	2.543	88.651						
14	.422	2.112	90.763						
15	.380	1.899	92.662						
16	.352	1.758	94.420						
17	.332	1.660	96.080						
18	.290	1.451	97.531						
19	.253	1.266	98.797						
20	.241	1.203	100.000						

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu trên SPSS)

Rotated Component Matrix ^a					
	Component				
	1	2	3	4	5
NV3	.802				
NV2	.795				
NV1	.777				
NV4	.769				
GD1		.775			
GD4		.765			
GD3		.744			
GD2		.737			
QC1			.744		
QC3			.731		
QC4			.671		
QC5			.661		
QC2			.609		
TD2				.741	
TD3				.693	
TD4				.685	
TD1				.654	
TC1					.775
TC3					.737
TC2					.673

Kết quả phân tích EFA cho giá trị KMO =0.821 có thỏa mãn ($0.5 < KMO < 1$) .Giá trị Sig. = 0 Có thỏa mãn (Sig <0.05). Hệ số tổng phương sai trích 62.205% có thỏa mãn ($\geq 50\%$) . Hội tụ về 5 nhân tố: “Thái độ với hành vi” ,“quy chuẩn chủ quan” , “giáo dục và khởi nghiệp” , “đặc điểm tính cách” , “nguồn vốn” . Không loại bỏ biến quan sát nào.

2.4.3. Phân tích hồi quy tuyến tính

Model Summary^b

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	.574 ^a	.330	.309	.73711	1.096

Cho thấy R hiệu chỉnh bằng 0.574 có nghĩa biến độc lập trong mô hình hồi quy giải thích biến phụ thuộc được 57.4%.

ANOVA^a

Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	42.736	5	8.547	15.731	.000 ^b
	Residual	86.932	160	.543		
	Total	129.668	165			

Sig < 0.05, ta kết luận mô hình hồi quy tuyến tính bội phù hợp với tập dữ liệu và có thể sử dụng được

Coefficients^a

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	.382	.477		.799	.425		
	TD	-.072	.101	-.057	-.711	.478	.651	1.536
	QC	.154	.103	.112	1.488	.139	.734	1.363
	GD	.460	.092	.405	4.973	.000	.632	1.583
	TC	.004	.098	.003	.046	.964	.746	1.340
	NV	.284	.088	.249	3.204	.002	.693	1.443

So sánh mức độ tác động của 5 biến độc lập TD, QC, GD, TC, NV và biến phụ thuộc Ý định khởi nghiệp (YD) của sinh viên theo thứ tự giảm dần như sau: Giáo dục khởi nghiệp (GD) có tác động mạnh nhất ($\beta_3 = 0.405$), tiếp theo là biến Nguồn vốn (NV) ($\beta = 0.249$), tiếp đến là Quy chuẩn chủ quan(QC)($\beta = 0.112$), kế đến là Đặc điểm tính cách(TC) ($\beta = 0.003$), cuối cùng là Thái độ với hành vi(TD) có tác động yếu nhất ($\beta = -0.057$).

Ta có phương trình hồi quy chưa chuẩn hóa có dạng như sau :

$$YD = 0 - 0.057TD + 0.112QC + 0.405GD + 0.003TC + 0.249NV$$

Tuy nhiên sig của kiểm định t của hệ số hồi quy của một số biến độc lập lớn hơn 0.05. chúng ta kết luận biến độc lập đó không có sự tác động lên biến phụ thuộc .

Từ đó phương trình hồi quy chuẩn hóa có dạng như sau:

$$YD = 0.405GD + 0.249NV$$

Từ kết quả hồi quy cho thấy nhân tố Giáo dục khởi nghiệp và Nguồn vốn là các nhân tố tác động mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

Chương 3. Giải pháp thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam.

3.1. Giải pháp về Giáo dục khởi nghiệp

Để tăng sự đam mê của sinh viên đối với khởi nghiệp kinh doanh, nhà trường nên tăng cường các học phần cơ bản liên quan đến khởi nghiệp để gia tăng các kiến thức và kỹ năng, kinh nghiệm thiết yếu khi bắt đầu khởi nghiệp, giúp sinh viên gia tăng ý định khởi nghiệp. Nhà trường cần có định hướng đối với các giảng viên trong quá trình giảng dạy khuyến khích sinh viên khởi nghiệp; thành lập vườn ươm doanh nghiệp; tạo mối liên kết chặt chẽ với cộng đồng doanh nhân và doanh nghiệp, kết nối với sinh viên thông qua các hoạt động tham quan thực tế doanh nghiệp, tiếp thu kinh nghiệm, thực tập và làm việc sau khi tốt nghiệp.

3.2. Giải pháp về Nguồn vốn

Nhà trường nên có chính sách để hỗ trợ các hoạt động, các ý tưởng, dự án khởi nghiệp của học sinh, sinh viên trong trường; đồng thời xây dựng quỹ hỗ trợ khởi nghiệp từ nguồn kinh phí xã hội hóa. Hơn nữa, nhà trường nên xây dựng các Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, xây dựng chương trình, chính sách hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo... để tư vấn cho sinh viên có ý định khởi nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] N. V. Đ. v. c. sự, Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Nam Cần Thơ, Cần Thơ: TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH 17(2):165-181, 12/05/2021.
- [2] N. T. M. Châu, Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên ngành CNTT tại TP.HCM, TP.HCM : <https://www.slideshare.net/slideshow/luan-van-yeu-to-anh-huong-den-y-dinh-khoi-nghiep-cua-sinh-vien/195381212>, 2018.
- [3] N. T. H. B. N. T. M. T. N. K. O. M. T. D. P. Huỳnh Nhật Nghĩa, Ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Tài chính – Marketing, TP.HCM: Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing, số 62 – Tháng 4 Năm 2021, 2021.
- [4] Ajzen, The theory of planned behavior, Organizational Behavior and Human Decision, 1991.
- [5] A. & S. Shapero, Some social dimensions of entrepreneurship, In C. A. Kent, 1982.